

6.041.240.470

PHỤ LỤC 01

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG
DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN (ĐỢT 2).**

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

STT	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí/ Khu vực	Giá đất của thửa đất (đồng/m2)
1	5	134	276	276	BHK	Vị trí 3	68.300
2	5	90	265	265	LUC	Vị trí 3	68.300
3	5	94	269	269	LUC	Vị trí 3	68.300
4	5	72	146	146	LUC	Vị trí 2	71.500
5	5	156	516	516	LUC	Vị trí 3	68.300
6	6	282	489	13,5	BHK	Vị trí 2	71.500
7	5	114	345	223,4	LUC	Vị trí 2	71.500
8	5	96	101	8,4	LUC	Vị trí 2	71.500
9	5	140	323	323	BHK	Vị trí 2	71.500
10	5	155	416	416	LUC	Vị trí 3	68.300
11	5	55	208,1	208,1	BHK	Vị trí 3	68.300
12	5	77	151	151	BHK	Vị trí 2	71.500
13	6	72	1.263,10	25,4	BHK	Vị trí 2	71.500
14	5	53	515	515	BHK	Vị trí 1	75.100
15	6	112	155	155	BHK	Vị trí 3	68.300
16	6	195	389	389	BHK	Vị trí 3	68.300
17	5	118	783,5	783,5	BHK	Vị trí 3	68.300
18	5	85	161	161	BHK	Vị trí 3	68.300
19	5	87	557	557	BHK	Vị trí 1	75.100
20	5	89	109	109	BHK	Vị trí 3	68.300
21	5	132	206	206	LUC	Vị trí 3	68.300
22	5	95	554	554	LUC	Vị trí 3	68.300
23	5	56	500	500	BHK	Vị trí 3	68.300
24	5	158	150	150	BHK	Vị trí 3	68.300
25	5	84	242	242	BHK	Vị trí 1	75.100
26	5	91	107	107	BHK	Vị trí 3	68.300

27	5	92	107	107	BHK	Vị trí 3	68.300
28	5	151	454	454	BHK	Vị trí 3	68.300
29	5	58	516	516	LUC	Vị trí 3	68.300
30	5	60	228	228	BHK	Vị trí 3	68.300
31	5	63	175	171,2	BHK	Vị trí 3	68.300
32	5	64	142	142	BHK	Vị trí 3	68.300
33	5	34	137,6	137,6	LUC	Vị trí 1	75.100
34	5	113	289	289	LUC	Vị trí 2	71.500
35	5	39	1.293,00	1.293,00	LUC	Vị trí 2	71.500
36	5	133	217	217	LUC	Vị trí 3	68.300
37	5	44	218,5	218,5	BHK	Vị trí 1	75.100
38	5	33	204,1	204,1	BHK	Vị trí 1	75.100
39	5	42	340	340	BHK	Vị trí 2	71.500
40	5	161	303,7	303,7	LUC	Vị trí 1	75.100
41	5	116	436,2	433,6	LUC	Vị trí 3	68.300
42	5	35	146,4	146,4	LUC	Vị trí 1	75.100
43	5	40	512	512	LUC	Vị trí 2	71.500
44	6	72	1263,1		ODT	Đất ở các vị trí khác của tổ dân phố 1,2,3,4,5 và 6	1.570.000
					BHK	Vị trí 2	71.500
45	6	282			ODT	Đất mặt tiền đường nội bộ thâm nhập nhựa hoặc bê tông rộng từ 3m trở lên thuộc tổ dân phố 1,2,3,4,5 và 6	4.324.000
					BHK	Vị trí 2	71.500

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: bà Đặng Thị Niên
Bà: Đặng Thị Niên CC/CCCD số: 051191001298
Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 276,0 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 276,0 m2
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Đặng Thanh Xuân, đến năm 2022 ông Xuân tặng cho con gái là bà Đặng Thị Niên, bà Niên sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
Tổng diện tích đất nông nghiệp 276,0m2, Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
Tổng nhân khẩu: 06 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 06 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									18.850.800	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									18.850.800	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	134	276,0	BHK	KV1, VT3	m ²	100%	68.300	18.850.800	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
B	CÂY CỎI HOA MÀU:									993.600	
	Ngô	1	134	276,0	HNK		m ²	100%	3.600	993.600	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khôi lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									127.860.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									93.840.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	134	276,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	93.840.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									34.020.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			6			Khẩu	100%	5.670.000	34.020.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										147.704.400	

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Bà: Nguyễn Thị Hồng Liên CC/CCCD số: 051154008886

Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 265,0 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 265,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho bà Nguyễn Thị Hồng Liên, bà Liên sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đang sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 269,0 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 269,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho bà Nguyễn Thị Hồng Liên, bà Liên sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 534,0m², Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 05 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 05 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									181.560.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước nước	1	90	265,0	LUC	KV1, VT3	m²	500%	68.000	90.100.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất chuyên trồng lúa nước nước	1	94	269,0	LUC	KV1, VT3	m²	500%	68.000	91.460.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									28.350.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			5			Khẩu	100%	5.670.000	28.350.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										246.382.200	

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: bà Nguyễn Thị Kim Huệ
Bà: Nguyễn Thị Kim Huệ
Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 146,0 m2, loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 146,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Tăng Dũng, đến năm 2020 ông Dũng chết để thừa kế lại cho vợ là bà Nguyễn Thị Kim Huệ, bà Huệ sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Đang sử dụng thửa đất số 156, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 516,0 m2, loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 516,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Tăng Dũng, đến năm 2020 ông Dũng chết để thừa kế lại cho vợ là bà Nguyễn Thị Kim Huệ, bà Huệ sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Tổng diện tích đất nông nghiệp 662,0m2, Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
Tổng nhân khẩu: 07 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 07 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khôi lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									45.681.800	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									45.681.800	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	71	146,0	LUC	KV1, VT2	m ²	100%	71.500	10.439.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Đất chuyên trồng lúa nước nước	1	72	516,0	LUC	KV1, VT2	m²	100%	68.300	35.242.800	theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
B	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									266.960.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									227.270.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước nước	1	71	146,0	LUC	KV1, VT2	m²	500%	71.000	51.830.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất chuyên trồng lúa nước nước	1	72	516,0	LUC	KV1, VT2	m²	500%	68.000	175.440.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									39.690.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			7			Khâu	100%	5.670.000	39.690.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										312.641.800	

Bảng chữ: Ba trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi một ngàn, tám trăm đồng./.

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									965.250	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									965.250	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	282	13,5	ODT+BHK	KV1, VT2	m ²	100%	71.500	965.250	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
B	Cây cối hoa màu:									1.668.600	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Ngô	1	282	13,5	ODT+BHK		m²	100%	3.600	48.600	
	Chuối cây ra hoa (bắp chuối), cho quả	1	282	10,0	ODT+BHK		m²	100%	162.000	1.620.000	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									31.522.500	
I	Hỗ trợ khác (Thực hiện khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai và Khoản 11 Điều 5 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									29.160.000	
1	Hỗ trợ đất vườn, ao cùng thửa đất ở	1	282	13,5	ODT+BHK	KV1, VT2	m²	50%	4.320.000	29.160.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.362.500	
	Thu hồi dưới 10% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*1 tháng*15.570 đồng*30kg)			5			Khẩu	100%	472.500	2.362.500	Thu hồi 3,87% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										34.156.350	

Bảng chữ: Ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm năm mươi đồng./.

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Văn Dũng, đến năm 2007 ông Dũng chết để lại cho các đồng thừa kế sử dụng, các đồng thừa kế sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Hệ số điều chỉnh giá đất	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)										79.307.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	114	223,4	LUC	KV1, VT2	m²	500%	71.000		79.307.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
TỔNG CỘNG (A+B)											95.280.100	

Bằng chữ: Chín mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi ngàn, một trăm đồng./.

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khôi lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.982.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	96	8,4	LUC	KV1, VT2	m²	500%	71.000	2.982.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.835.000	
	Thu hồi dưới 10% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*1 tháng*15.750 đồng*30kg)			6			Khẩu	100%	472.500	2.835.000	Thu hồi 8,32% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										6.417.600	

Bằng chữ: Sáu triệu, bốn trăm mười bảy ngàn, sáu trăm đồng./.

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									114.665.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	140	323,0	BHK	KV1, VT2	m²	500%	71.000	114.665.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									22.680.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			4			Khẩu	100%	5.670.000	22.680.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										160.439.500	

Bảng chữ: Một trăm sáu mươi triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ và tên chủ sử dụng đất: bà Trần Thị Lý
Bà: Trần Thị Lý CC/CCCD số: 051150000480
Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

1. Đang sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 416,0 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 416,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Tăng Mẫn, đến năm 2019 ông Mẫn chết để thừa kế lại cho bà Trần Thị Lý, bà Lý sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 416,0m², Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 01 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 01 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									141.440.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	155	416,0	LUC	KV1, VT3	m²	500%	68.000	141.440.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									5.670.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			1			Khẩu	100%	5.670.000	5.670.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										175.522.800	

Bảng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Võ Thị Chính và ông Nguyễn Đức Phát**
Bà: **Võ Thị Chính** CC/CCCD số: 051172013732
Ông: **Nguyễn Đức Phát** CC/CCCD số:
Địa chỉ: TDP Vĩnh Lạc, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 208,1 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 208,1 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Võ Thị Chính và ông Nguyễn Đức Phát, hộ sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Đang sử dụng thửa đất số 77, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 151,0 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 151,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Võ Thị Chính và ông Nguyễn Đức Phát, hộ sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 2.391,1m2, Thu hồi 15,02% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
Tổng nhân khẩu: 06 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									25.009.730	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									25.009.730	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	55	208,1	BHK	KV1, VT3	m ²	100%	68.300	14.213.230	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	77	151,0	BHK	KV1, VT3	m ²	100%	71.500	10.796.500	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
B	Cây cối hoa màu:									1.371.560	
	Cây vùng (mè)	1	55	208,1	HNK		m²	100%	2.600	541.060	
	Cây lạc	1	77	151,0	HNK		m²	100%	5.500	830.500	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									130.029.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									124.359.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	55	208,1	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	70.754.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	77	151,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	71.000	53.605.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									5.670.000	
	Thu hồi từ 10% đến 20% tổng diện tích đất nông nghiệp (Số NK*2 tháng*15.750 đồng*30kg)			6			Khẩu	100%	945.000	5.670.000	Thu hồi 15,02% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										156.410.290	

Bảng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm mười ngàn, hai trăm chín mươi đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ và tên chủ sử dụng đất:	Hộ bà Bùi Thị Kim Hoa
Bà: Bùi Thị Kim Hoa	CC/CCCD số: 049154000781
Địa chỉ:	TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ở được ông bà sử dụng trước năm 1975, sau đó để lại cho con là bà Bùi Thị Kim Hoa, bà Hoa làm nhà ở và sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng nhân khẩu: 02 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 02 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Nhà vệ sinh VS6: Nhà vệ sinh tường xây gạch, từ đất đến bệ ngồi bao che bằng gạch, mái tôn, không có bệ tự hoại, bệ ngồi là đan bê tông. (S=1,3*1,9)	1	72	2,470	ODT+ BHK		m²	100%	3.257.000	8.044.790	
C	Cây cối hoa màu:									3.366.000	
	Tre thường cây xanh chưa già	1	72	12,0	ODT+ HNK		m²	30%	50.000	180.000	
	Tre thường cây già sử dụng được	1	72	63,0	ODT+ HNK		m²	30%	100.000	1.890.000	
	Chuối cây con đến chưa cho quả	1	72	9,0	ODT+ HNK		m²	100%	42.000	378.000	
	Chuối cây ra hoa (bấp chuối), cho quả	1	72	4,0	ODT+ HNK		m²	100%	162.000	648.000	
	Dừa cây đã cho quả	1	72	1,0	ODT+ HNK		m²	30%	900.000	270.000	
	Tre thường cây xanh chưa già	1	73	23,0	NTD		m²	0%	50.000		
	Tre thường cây già sử dụng được	1	73	97,0	NTD		m²	0%	100.000		
	Tre thường cây xanh chưa già	1	37	49,0	NTD		m²	0%	50.000		
	Tre thường cây già sử dụng được	1	37	97,0	NTD		m²	0%	100.000		

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									20.757.000	
I	<i>Hỗ trợ khác (Thực hiện khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai và Khoản 11 Điều 5 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)</i>									19.812.000	
1	Hỗ trợ đất vườn ao cùng thửa đất ở	1	72	25,4	ODT+ BHK	KV1, VT2	m ²	50%	1.560.000	19.812.000	
II	<i>Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)</i>									945.000	
	Thu hồi dưới 10% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*1 tháng*15.750 đồng*30kg)			2			Khẩu	100%	472.500	945.000	Thu hồi 2,64% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)										33.983.890	

Bảng chữ: Ba mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, tám trăm chín mươi đồng./.

PHỤ LỤC 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Nguyễn Thị Cảnh**

Bà: Nguyễn Thị Cảnh CC/CCCD số: 051140000131

Địa chỉ: TDP Vĩnh Lạc, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 515,0 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 515,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Cảnh, bà Cảnh sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích giữa hiện trạng so với GCNQSDĐ tăng là do sai số trong quá trình đo đạc.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 3.273,0m², Thu hồi 15,73% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 07 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 07 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									38.676.500	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									38.676.500	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	53	515,0	BHK	KV1, VT1	m²	100%	75.100	38.676.500	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
B	Cây cối hoa màu:									1.854.000	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Ngô	1	53	515,0	HNK		m²	100%	3.600	1.854.000	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									199.740.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									193.125.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	53	515,0	BHK	KV1, VT1	m²	500%	75.000	193.125.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									6.615.000	
	Thu hồi từ 10% đến 20% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*2 tháng*15.750 đồng*30kg)			7			Khẩu	100%	945.000	6.615.000	Thu hồi 15,73% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										240.270.500	

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, năm trăm đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ bà Nguyễn Thị Hiền**
Bà: **Nguyễn Thị Hiền**
Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 112, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 155,0 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 155,0 m2.

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Hiền, bà Hiền sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đang sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 389,0 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 389,0 m2.

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Hiền, bà Hiền sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 544,0m2, Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 03 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 03 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									37.155.200	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									37.155.200	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	112	155,0	BHK	KV1, VT3	m ²	100%	68.300	10.586.500	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	195	389,0	BHK	KV1, VT3	m²	100%	68.300	26.568.700	quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
B	Cây cối hoa màu:									1.958.400	
	Ngô	1	112	155,0	HNK		m²	100%	3.600	558.000	
	Ngô	1	195	389,0	HNK		m²	100%	3.600	1.400.400	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									201.970.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									184.960.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	112	155,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	52.700.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	195	389,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	132.260.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									17.010.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			3			Khẩu	100%	5.670.000	17.010.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										241.083.600	

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất:

Hộ bà Nguyễn Thị Phương

Bà: Nguyễn Thị Phương

CC/CCCD số: 051173000951

Địa chỉ:

TDP Vĩnh Lạc, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 118, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 783,5 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 783,5 m².

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Phương, bà Phương sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 783,5m², Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 06 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 06 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Cây vùng (mè)	1	118	783,5	HNK		m²	100%	2.600	2.037.100	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									300.410.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									266.390.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	118	783,5	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	266.390.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									34.020.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			6			Khẩu	100%	5.670.000	34.020.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										355.960.150	

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi ngàn, một trăm năm mươi đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất:

Hộ bà Nguyễn Thị Quế

Bà: Nguyễn Thị Quế

CC/CCCD số: 051137000137

Địa chỉ:

TDP Vĩnh Lạc, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 161,0 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 161,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Quế, bà Quế sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đang sử dụng thửa đất số 87, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 557,0 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 557,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Quế, bà Quế sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đang sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 109,0 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 109,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Nguyễn Thị Quế, bà Quế sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 3.054,0m², Thu hồi 27,08% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 03 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 03 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									60.271.700	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Bồi thường đất nông nghiệp									60.271.700	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	85	161,0	BHK	KV1, VT3	m²	100%	68.300	10.996.300	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	87	557,0	BHK	KV1, VT3	m²	100%	75.100	41.830.700	
3	Đất trồng cây hàng năm khác	1	89	109,0	BHK	KV1, VT3	m²	100%	68.300	7.444.700	
B	CÂY CỎI HOA MÀU:									2.150.200	
	Cây vừng (mè)	1	85	161,0	HNK		m²	100%	2.600	418.600	
	Cây vừng (mè)	1	87	557,0	HNK		m²	100%	2.600	1.448.200	
	Cây vừng (mè)	1	89	109,0	HNK		m²	100%	2.600	283.400	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									304.927.500	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									300.675.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	85	161,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	54.740.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	87	557,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	75.000	208.875.000	
3	Đất trồng cây hàng năm khác	1	89	109,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	37.060.000	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									4.252.500	
	Thu hồi từ 20% đến 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*3 tháng*15.750 đồng*30kg)			3			Khâu	100%	1.417.500	4.252.500	Thu hồi 27,08% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										367.349.400	

Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn, bốn trăm đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phò)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Đỗ Tiến Cương và bà Nguyễn Thị Tuyết**

Ông: Đỗ Tiến Cường CC/CCCD số: 051052000517

Bà: Nguyễn Thị Tuyết CC/CCCD số: 051155000904

Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 206,0 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 128,2 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Đỗ Tiến Cương và bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Cương và bà Tuyết sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 1.942,0m², Thu hồi 10,61% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 03 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 03 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									70.040.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	132	206,0	LUC	KV1, VT3	m²	500%	68.000	70.040.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									2.835.000	
	Thu hồi từ 10% đến 20% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*2 tháng*15.570 đồng*30kg)			3			Khẩu	100%	945.000	2.835.000	Thu hồi 10,61% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										86.944.800	

Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phò)

Họ và tên chủ sử dụng đất:

Hộ ông Đỗ Tiến Hoa

Ông: Đỗ Tiến Hoa

CC/CCCD số: 051058006626

Địa chỉ:

TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 95, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 554,0 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 554,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Đỗ Tiến Hoa, ông Hoa sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 554,0m², Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 05 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 05 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	95	554,0	LUC	KV1, VT3	m²	500%	68.000	188.360.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									28.350.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			5			Khẩu	100%	5.670.000	28.350.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										254.548.200	

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, hai trăm đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Nguyễn Ba**
Ông: **Nguyễn Ba**
Địa chỉ: **TDP Vĩnh Lạc, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 500,0 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 500,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Ba, ông Ba sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Đang sử dụng thửa đất số 158, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 150,0 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 150,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Ba, ông Ba sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 2.808,0m2, Thu hồi 23,15% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
Tổng nhân khẩu: 04 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 04 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									44.395.000	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									44.395.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	56	500,0	BHK	KV1, VT3	m ²	100%	68.300	34.150.000	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	158	150,0	BHK	KV1, VT3	m ²	100%	68.300	10.245.000	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
B	CÂY CỎI HOA MÀU:									1.690.000	
	Cây vừng (mè)	1	56	500,0	BHK		m²	100%	2.600	1.300.000	
	Cây vừng (mè)	1	158	150,0	BHK		m²	100%	2.600	390.000	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									226.670.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									221.000.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	56	500,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	170.000.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	158	150,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	51.000.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									5.670.000	
	Thu hồi từ 20% đến 30% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*3 tháng*15.750 đồng*30kg)			4			Khẩu	100%	1.417.500	5.670.000	Thu hồi 23,15% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										272.755.000	

Bảng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Tổng nhân khẩu: 05 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 05 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Bồi thường đất nông nghiệp									63.798.600	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	84	242,0	BHK	KV1, VT1	m²	100%	75.100	18.174.200	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	91	107,0	BHK	KV1, VT1	m²	100%	68.300	7.308.100	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	92	107,0	BHK	KV1, VT1	m²	100%	68.300	7.308.100	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	151	454,0	BHK	KV1, VT1	m²	100%	68.300	31.008.200	
B	Cây cối hoa màu:									2.366.000	
	Cây vừng (mè)	1	84	242,0	BHK		m²	100%	2.600	629.200	
	Cây vừng (mè)	1	91	107,0	BHK		m²	100%	2.600	278.200	
	Cây vừng (mè)	1	92	107,0	BHK		m²	100%	2.600	278.200	
	Cây vừng (mè)	1	151	454,0	BHK		m²	100%	2.600	1.180.400	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									332.045.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									317.870.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	84	242,0	BHK	KV1, VT1	m²	500%	75.000	90.750.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	91	107,0	BHK	KV1, VT1	m²	500%	68.000	36.380.000	
3	Đất trồng cây hàng năm khác	1	92	107,0	BHK	KV1, VT1	m²	500%	68.000	36.380.000	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Đất trồng cây hàng năm khác	1	151	454,0	BHK	KV1, VT1	m²	500%	68.000	154.360.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									14.175.000	
	Thu hồi từ 30% đến 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*6 tháng*15.750 đồng*30kg)			5			Khẩu	100%	2.835.000	14.175.000	Thu hồi 38,24% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										398.209.600	

Bảng chữ: Ba trăm chín mươi tám triệu, hai trăm lẻ chín ngàn, sáu trăm đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phở)

Họ và tên chủ sử dụng đất:

Hộ ông Nguyễn Văn Long

Ông: Nguyễn Văn Long

CC/CCCD số: 051052000363

Địa chỉ:

TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 516,0 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 516,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Văn Long, ông Long sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 516,0m², Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 03 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 03 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	58	516,0	LUC	KV1, VT3	m²	500%	68.000	175.440.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									17.010.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			3			Khẩu	100%	5.670.000	17.010.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										227.692.800	

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi hai ngàn, tám trăm đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: **Hộ ông Nguyễn Văn Tám**

Ông: Nguyễn Văn Tám CC/CCCD số:

Địa chỉ: TDP Vĩnh Lạc, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi **Số ĐT:**

1. Đang sử dụng thửa đất số 60, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 228,0 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 228,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Văn Tám, ông Tám sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đang sử dụng thửa đất số 63, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 175,0 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 171,2 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Văn Tám, ông Tám sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đang sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 142,0 m², loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 142,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Văn Tám, ông Tám sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 1.909,4m², Thu hồi 28,34% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 05 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 05 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									36.963.960	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									36.963.960	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	60	228,0	BHK	KV1, VT3	m²	100%	68.300	15.572.400	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	63	171,2	BHK	KV1, VT3	m²	100%	68.300	11.692.960	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	64	142,0	BHK	KV1, VT3	m²	100%	68.300	9.698.600	
B	CÔNG TRÌNH VẬT KIẾN TRÚC									11.125.228	
	Tường rào TR6: Móng xây đá chẻ, cột BTCT lắp ghép, lắp đặt lưới B40.		60, 112	69,74	BHK		m²	40%	216.000	6.025.536	
	Trụ BTCT: Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (có cốt thép)		73, 61	115,940	NTD		m3	20%	216.000	5.008.608	
	Trụ BTCT: Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (có cốt thép)		60	0,054	BHK		m3	40%	4.182.000	91.084	
C	CÂY CỎI HOA MÀU									7.584.000	
	Dừa cây có chiều cao thân ≥ 2m, chưa cho quả		63	2,0	HNK		cây	30%	400.000	240.000	
	Dừa cây đã cho quả		63	1,0	HNK		cây	30%	900.000	270.000	
	Chuối cây con đến chưa cho quả		63	28,0	HNK		cây	100%	42.000	1.176.000	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Chuối cây ra hoa (bấp chuối), cho quả		63	5,0	HNK		cây	100%	162.000	810.000	
	Xoài trồng hạt, cây có đường kính gốc < 20cm, đã cho quả		63	1,0	HNK		cây	30%	250.000	75.000	
	Dừa cây trồng có chiều cao thân $\geq$ 0,5m đến <2m, chưa cho quả		63	1,0	HNK		cây	30%	270.000	81.000	
	Dừa cây đã cho quả		63	1,0	HNK		cây	30%	900.000	270.000	
	Dừa cây trồng có chiều cao thân $\geq$ 0,5m đến <2m, chưa cho quả		64	2,0	HNK		cây	30%	270.000	162.000	
	Xoài trồng hạt, cây có đường kính gốc < 20cm, đã cho quả		64	2,0	HNK		cây	30%	250.000	150.000	
	Chuối cây con đến chưa cho quả		64	8,0	HNK		cây	100%	42.000	336.000	
	Chuối cây ra hoa (bấp chuối), cho quả		64	3,0	HNK		cây	100%	162.000	486.000	
	Chuối cây con đến chưa cho quả		60	57,0	HNK		cây	100%	42.000	2.394.000	
	Chuối cây ra hoa (bấp chuối), cho quả		60	7,0	HNK		cây	100%	162.000	1.134.000	
	Tre thường cây xanh chưa già		59	26,0	NTD		cây	0%	50.000		
	Tre thường cây già sử dụng được		59	21,0	NTD		cây	0%	100.000		

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
D	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									191.095.500	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									184.008.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác		60	228,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	77.520.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất trồng cây hàng năm khác		63	171,2	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	58.208.000	
3	Đất trồng cây hàng năm khác		64	142,0	BHK	KV1, VT3	m²	500%	68.000	48.280.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									7.087.500	
	Thu hồi từ 20% đến 30% tổng diện tích đất nông nghiệp (Số NK*3 tháng*15.750 đồng*30kg)			5			Khâu	100%	1.417.500	7.087.500	Thu hồi 28,34% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)										246.768.688	

Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

Họ và tên chủ sử dụng đất:

Hộ ông Võ Dũng

Ông: Võ Dũng

CC/CCCD số: 051072001428

Địa chỉ:

TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 137,6 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 137,6 m².

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Võ Dũng, ông Dũng sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 137,6m², Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 05 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 05 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									51.600.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	34	137,6	LUC	KV1, VT1	m ²	500%	75.000	51.600.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									28.350.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			5			Khẩu	100%	5.670.000	28.350.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										90.283.760	

Bằng chữ: Chín mươi triệu, hai trăm tám mươi ba ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phò)

Họ và tên chủ sử dụng đất:	ông Dương Văn Công và bà Nguyễn Thị Tường Vi
Ông: Dương Văn Công	CC/CCCD số: 051067000920
Bà: Nguyễn Thị Tường Vi	CC/CCCD số:
Địa chỉ:	TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 113, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 289,0 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 289,0 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho ông Dương Văn Công và bà Nguyễn Thị Tường Vi, ông Công và bà Vi sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 289m², Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 05 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 05 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	113	289,0	LUC	KV1, VT2	m²	500%	71.000	102.595.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									28.350.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			5			Khẩu	100%	5.670.000	28.350.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										151.608.500	

Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn, năm trăm đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: ông Lê Minh Đức
Ông: Lê Minh Đức
Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 39, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 1.293,0 m2, loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 1.293,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Huỳnh Thị Bốn, đến năm 2020 bà Bốn chết để thừa kế lại cho ông Lê Minh Đức, ông Đức sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Đang sử dụng thửa đất số 133, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 217,0 m2, loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 217,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Huỳnh Thị Bốn, đến năm 2020 bà Bốn chết để thừa kế lại cho ông Lê Minh Đức, ông Đức sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 1.510,0m2, Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
Tổng nhân khẩu: 04 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 04 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khôi lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									107.270.600	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									107.270.600	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	39	1.293,0	LUC	KV1, VT2	m ²	100%	71.500	92.449.500	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
2	Đất chuyên trồng lúa nước	1	133	217,0	LUC	KV1, VT2	m ²	100%	68.300	14.821.100	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
B	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									555.475.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									532.795.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	39	1.293,0	LUC	KV1, VT2	m²	500%	71.000	459.015.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất chuyên trồng lúa nước	1	133	217,0	LUC	KV1, VT2	m²	500%	68.000	73.780.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									22.680.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			4			Khâu	100%	5.670.000	22.680.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										662.745.600	

Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất:

ông Nguyễn Minh Linh

Ông: Nguyễn Minh Linh

CC/CCCD số:

Địa chỉ:

TDP Vĩnh Lạc, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 218,5 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 218,5 m2.

Nguồn gốc sử dụng đất:

Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Văn Lắm, đến năm 2019 ông Lắm chết để thừa kế lại cho ông Nguyễn Minh Linh, ông Linh sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 218,5m2, Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 11 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 11 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									16.409.350	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									16.409.350	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	44	218,5	BHK	KV1, VT1	m ²	100%	75.100	16.409.350	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
B	CÂY CỎI HOA MÀU:									786.600	
	Ngô	1	44	218,5	BHK		m ²	100%	3.600	786.600	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									144.307.500	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									81.937.500	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	44	218,5	BHK	KV1, VT1	m²	500%	75.000	81.937.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									62.370.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			11			Khẩu	100%	5.670.000	62.370.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										161.503.450	

Bảng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu, năm trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm năm mươi đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

- Họ và tên chủ sử dụng đất: bà Lê Thị Hường
Bà: Lê Thị Hường CC/CCCD số: 051172011399
Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi Số DT:
1. Đang sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 204,1 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 204,1 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được bà Lê Thị Hường mua lại của ông Nguyễn Thanh Phương vào tháng 6 năm 2023, bà Hường sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Đang sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 340,0 m2, loại đất: BHK. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 340,0 m2.
Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được bà Lê Thị Hường mua lại của ông Nguyễn Thanh Phương vào tháng 6 năm 2023, bà Hường sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 544,1m2, Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 04 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 04 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									39.637.910	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									39.637.910	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	33	204,1	BHK	KV1, VT1	m ²	100%	75.100	15.327.910	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	42	340,0	BHK	KV1, VT1	m ²	100%	71.500	24.310.000	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
B	Công trình vật kiến trúc									325.192	
	Trụ BTCT: Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (có cốt thép)		33; 32	0,389	LUC		m3	20%	4.182.000	325.192	
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									219.917.500	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									197.237.500	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	1	33	204,1	BHK	KV1, VT1	m²	500%	75.000	76.537.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	42	340,0	BHK	KV1, VT1	m²	500%	71.000	120.700.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									22.680.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			4			Khẩu	100%	5.670.000	22.680.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B+C)										259.880.602	

Bảng chữ: Hai trăm năm mươi chín triệu, tám trăm tám mươi ngàn, sáu trăm lẻ hai đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: ông Nguyễn Tăng Sơn , bà Nguyễn Thị Bích Thủy (đại diện đồng thừa kế của ông Nguyễn Tăng Trác)
Ông: CC/CCCD số:
Bà: CC/CCCD số:
Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 161, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 303,7 m2, loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 303,7 m2.

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Nguyễn Tăng Trác, đến năm 2003 ông Trác chết để lại cho các đồng thừa kế sử dụng, các đồng thừa kế sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									22.807.870	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									22.807.870	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	161	303,7	LUC	KV1, VT1	m ²	100%	75.100	22.807.870	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
B	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									113.887.500	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									113.887.500	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	161	303,7	LUC	KV1, VT1	m ²	500%	75.000	113.887.500	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
TỔNG CỘNG (A+B)										136.695.370	

Bảng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, ba trăm bảy mươi đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN

Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: ông Nguyễn Văn Hòa

Ông: Nguyễn Văn Hòa CC/CCCD số: 051094008242

Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số ĐT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 436,2 m², loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 433,6 m².

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho bà Phan Thị Kim Phụng, đến năm 2021 bà Phụng tặng cho con là ông Nguyễn Văn Hòa, ông Hòa sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 436,2m², Thu hồi 99,40% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phò

Tổng nhân khẩu: 03 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 03 Khẩu

[illegible]

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	116	433,6	LUC	KV1, VT3	m²	500%	68.000	147.424.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									17.010.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			3			Khẩu	100%	5.670.000	17.010.000	Thu hồi 99,40% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										194.048.880	

Bảng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm tám mươi đồng./.

PHỤ LỤC 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
DỰ ÁN: KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG LÊ THÁNH TÔN
Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

Họ và tên chủ sử dụng đất: ông Nguyễn Văn Nở và bà Trần Thị Thứ

Ông: Nguyễn Văn Nở CC/CCCD số: 051043002989

Bà: Trần Thị Thứ CC/CCCD số:

Địa chỉ: TDP Phú Trường, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số DT:

1. Đang sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 146,4 m2, loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 146,4 m2.

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho ông Nguyễn Văn Nở và bà Trần Thị Thứ, ông Nở và bà Thứ sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đang sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ dự án số 01, diện tích 512,0 m2, loại đất: LUC. Diện tích thu hồi để xây dựng công trình: 512,0 m2.

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp theo Nghị định 64/CP cho ông Nguyễn Văn Nở và bà Trần Thị Thứ, ông Nở và bà Thứ sử dụng ổn định từ đó đến nay, phù hợp quy hoạch, không ai tranh chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng diện tích đất nông nghiệp 658,4m2, Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ

Tổng nhân khẩu: 07 Khẩu, số nhân khẩu được hỗ trợ: 07 Khẩu

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	ĐẤT ĐAI:									47.602.640	
I	Bồi thường đất nông nghiệp									47.602.640	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	35	146,4	LUC	KV1, VT1	m ²	100%	75.100	10.994.640	Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 95 Luật Đất đai 2024 thì được bồi thường về đất
2	Đất chuyên trồng lúa nước	1	40	512,0	LUC	KV1, VT1	m ²	100%	71.500	36.608.000	

STT	Hạng mục	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi/ Khối lượng	Loại đất	Vị trí	Đơn vị tính	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
B	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ (I+II):									276.350.000	
I	Hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 13 của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									236.660.000	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	1	35	146,4	LUC	KV1, VT1	m²	500%	75.000	54.900.000	Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất các loại đất (hoặc bảng giá đất) hiện hành của tỉnh
2	Đất chuyên trồng lúa nước	1	40	512,0	LUC	KV1, VT1	m²	500%	71.000	181.760.000	
II	Hỗ trợ về ổn định đời sống (Thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)									39.690.000	
	Thu hồi trên 70% tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Số NK*12 tháng*15.750 đồng*30kg)			7			Khẩu	100%	5.670.000	39.690.000	Thu hồi 100% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đức Phổ
TỔNG CỘNG (A+B)										323.952.640	

Bảng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng./.